

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - PHÚ THỌ.

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Thư ký phiên họp: Bà Cao Thị Hồng Nhung – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ tham gia phiên họp:
Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-VDS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2026/QĐST-VDS ngày 06 tháng 4 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** anh Lê Đại H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ (có đơn xin vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ.

+ Chị Lê Thị T1, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

+ Chị Lê Thị T2, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Đều ở địa chỉ: khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Lê Đại H1, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn I, Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

[1] Tại đơn đề nghị ngày 22/10/2025, Bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, Người yêu cầu anh Lê Đại H trình bày:

Bố mẹ anh là Lê Đại H2 (đã chết) và Phan Thị Đ (đã chết) kết hôn và sinh được 06 người con là Lê Thị T3, sinh năm 1966 (đã biệt tích từ năm 1993); Lê Đại H1, sinh năm 1968; Lê Đại H, sinh năm 1970; Lê Thị T1, sinh năm 1977, Lê Thị T, sinh năm

1980 và Lê Thị T2, sinh năm 1983. Anh chị em của anh H cùng bố mẹ chung sống tại khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là T, xã T, tỉnh Phú Thọ).

Năm 1993, chị Lê Thị T3 đi khỏi nhà, trong gia đình anh H không ai biết chị T3 đi đâu, làm gì. Gia đình anh H không ai nhớ rõ chị T3 đi vào đầu năm hay cuối năm. Thời điểm chị T3 đi khỏi nhà, lúc này chị đã thành niên, sức khỏe và tinh thần của chị bình thường, chị T3 cũng không nói với ai về lý do chị đi khỏi nhà. Từ đó đến nay, chị T3 không trở về nhà và địa phương. Gia đình đã tổ chức tìm kiếm nhiều lần nhưng không tìm thấy và không ai biết tin tức gì của chị T3. Thời gian chị T3 biệt tích đến nay đã được gần 33 (ba mươi ba) năm. Gia đình anh H không ai có tin tức gì của chị T3 là còn sống.

Do đó, để thuận tiện trong sinh hoạt và những việc liên quan đến nhân thân, anh Lê Đại H yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Lê Thị T3 đã chết.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh H3, chị T1, chị T, chị T2 đều trình bày quan điểm, đồng ý với yêu cầu của anh Lê Đại H.

[3]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ tham gia phiên họp đề nghị:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký, Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết việc dân sự: Đề nghị Thẩm phán chủ tọa phiên họp căn cứ các điều 71 và 72 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người là đã chết của anh Lê Đại H. Tuyên bố chị Lê Thị T3, sinh năm 1966; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ) đã chết từ ngày 01/01/1999. Khi quyết định này có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình, các quan hệ về nhân thân khác và quan hệ về tài sản của chị Lê Thị T3 được giải quyết như đối với người đã chết; Tài sản của chị T3 được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế. Miễn toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho anh Lê Đại H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Anh Lê Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị gái của anh là chị Lê Thị T3, sinh năm 1966; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ) là đã chết. Đây là yêu cầu giải quyết việc dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Phú Thọ được quy định tại khoản 4 Điều 27, Điều 35 và điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của anh Lê Đại H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thấy rằng: Bố mẹ anh H là ông Lê Đại H2 (đã chết) và bà Phan Thị Đ (đã chết) kết hôn và sinh được 06 người con là Lê Thị T3, sinh năm 1966 (đã biệt tích từ năm 1993); Lê Đại H1, sinh năm 1968; Lê Đại H, sinh năm 1970; Lê Thị T1, sinh năm 1977, Lê Thị T, sinh năm 1980 và Lê Thị T2, sinh năm 1983. Anh chị em của anh H cùng bố mẹ chung sống tại khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ

Năm 1993, chị Lê Thị T3 đi khỏi nhà, không nói cho ai biết là đi đâu, làm gì. Gia đình anh H không ai nhớ rõ chị T3 đi vào đầu năm hay cuối năm. Thời điểm chị T3 đi khỏi nhà, lúc này chị đã thành niên, sức khỏe và tinh thần của chị bình thường, chị T3 cũng không nói với ai về lý do chị đi khỏi nhà. Gia đình anh H đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của chị T3. Thời gian chị T3 biệt tích đến nay đã gần được 33 năm, gia đình anh H không ai có tin tức của chị T3 là còn sống.

Cơ quan Công an xã T, khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã T đều xác nhận, chị T3 đã đi khỏi địa phương và không sinh sống tại địa phương từ năm 1993, đến nay không xác định được chị T3 ở đâu, làm gì.

Quá trình giải quyết đơn yêu cầu của anh H, Tòa án đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 01/2025/QĐ-TA ngày 03/12/2025 và thực hiện đăng tin theo Thông báo số 01/2025/CV-TA ngày 03/12/2025, thông báo tìm kiếm thông tin của Lê Thị T3 trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, B1, Đ1 (V). Thông báo được đăng trên số ra hàng ngày 03 lần, 03 ngày liên tiếp nhưng đến nay đã đủ 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên (ngày 15/12/2025) mà vẫn không có thông tin xác thực việc chị T3 còn sống hay đã chết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ nêu trên thấy phù hợp với trình bày của anh H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do vậy có cơ sở xác định, chị T3 đã biệt tích từ năm 1993 đến nay không có tin tức gì xác thực chị T3 còn sống hay đã chết. Không ai xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng của chị T3.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật dân sự thì Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết trong trường hợp *“Biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống; thời hạn này được tính theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật này”*. Tại khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự quy định *“...nếu không xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng; nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng”*.

Tại điểm 5, mục IV của văn bản số 163/TANDTC – PC ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn: *“Khi giải quyết yêu cầu tuyên bố một người là đã chết quy định tại điểm d khoản 1 Điều 71 của Bộ luật Dân sự thì Tòa án*

xác định ngày chết theo quan điểm thứ hai. Theo đó, ngày chết của người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết được xác định là ngày đầu tiên kế tiếp của ngày kết thúc thời hạn 05 năm liên kể từ ngày biết được tin tức cuối cùng về người đó; nếu không xác định được ngày có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có tin tức cuối cùng; nếu không xác định được ngày, tháng có tin tức cuối cùng thì thời hạn này được tính từ ngày đầu tiên của năm tiếp theo năm có tin tức cuối cùng. Việc xác định thời điểm kết thúc thời hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Dân sự”.

Căn cứ vào quy định nêu trên, có đủ cơ sở xác định chị Lê Thị T3 đã chết kể từ ngày 01/01/1999.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Lê Đại H là người yêu cầu nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định. Tuy nhiên, anh H là người thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền lệ phí, nên được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4]. Người yêu cầu, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định theo quy định.

[5]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 27, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 và các Điều: 370, 371, 372, 391, 393 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 71, Điều 72 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Lê Đại H về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết đối với chị Lê Thị T3.

2. Tuyên bố chị Lê Thị T3, sinh năm 1966; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: khu T, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (nay là khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ) đã chết kể từ ngày 01/01/1999.

Khi quyết định này có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của chị Lê Thị T3 được giải quyết như đối với người đã chết; quan hệ tài sản của chị T3 được giải quyết như đối với người đã chết; tài sản của chị T3 được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn toàn bộ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho anh Lê Đại H.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Thu Cúc;
- Các đương sự.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Hồng Mai

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
 - (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
 - (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
 - (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
 - (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
 - (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
 - (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
 - (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
 - (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”